

Bản án số: 532/2025/HS-ST
Ngày: 30-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phí Văn Nghi

Ông Triệu Quang Định

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền và bà Bùi Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 403/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN Đ, sinh ngày 01/10/1995 tại Bắc Ninh; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là: Thôn C, xã Y, tỉnh Bắc Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Tạ Thị G; có vợ Nguyễn Thị H1 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T16 - Bộ C2, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:**

Ông **Trần Ngọc C** và bà **Nguyễn Thị Kim Q** - Luật sư Văn phòng luật sư Trần C và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ ngày 14/9/2023, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (C04) - Bộ C2 phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành bắt quả tang 04 đối tượng gồm: Phùng Quốc V (sinh năm 2001; trú tại: Khu E xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ), Hoàng Văn Q1 (sinh năm 1993; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam), Lê Anh Đ1 (sinh năm 1994; trú tại: Số E ngõ A M, Quận H, Thành phố Hà Nội), Đỗ Duy L (sinh năm 1994; trú tại: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam) đang có hành vi sử dụng máy bơm dung dịch vào các vỏ điều thuốc lá điện tử (pod) và đóng gói lại để bán cho khách theo sự chỉ đạo của Lê Anh T (sinh năm 1995; trú tại: Số nhà C, phố C, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội) tại số nhà A, xóm M, thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Tang vật thu giữ: 798,79 gam ma túy, loại MDMA-4en-PINACA, tinh dầu, máy móc để pha trộn tinh dầu với ma túy, các điều thuốc lá điện tử có chứa chất ma túy và 14.518 điều thuốc lá điện tử nhãn hiệu Galvin không chứa chất ma túy. Ngày 21/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 đã tiến hành khởi tố vụ án hình sự số 34/QĐ-CSMT, khởi tố 06 bị can Lê Anh T, Phùng Quốc V, Hoàng Văn Q1, Lê Anh Đ1, Đỗ Duy L, Phùng Bảo N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 02 bị can Lê Anh T, Phùng Bảo N tội “*Buôn lậu*”. Vụ án đã được điều tra, truy tố và chuyển Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử sơ thẩm.

Đối với hành vi “*Buôn lậu*”, căn cứ các tài liệu chứng cứ điều tra thu thập được xác định: Lê Anh T và Phùng Bảo N có hành vi buôn lậu 100.000 điều thuốc lá điện tử Galvin từ Trung Quốc về Việt Nam có giá trị 09 tỷ đồng (Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 191/KLĐGTS ngày 12/9/2024 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận N, Thành phố Hà Nội) và xác định Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1995; trú tại: thôn C, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) là người vận chuyển trái phép qua biên giới 60.000 điều thuốc lá điện tử, có giá trị 5,4 tỷ đồng cho Lê Anh T và Phùng Bảo N. Ở hành vi này Lê Anh T và Phùng Bảo N

đã bị khởi tố, truy tố về tội “*Buôn lậu*” quy định tại khoản 4 Điều 188 BLHS. Do Nguyễn Văn Đ không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra (C04) - Bộ C2 ra quyết định truy tìm. Ngày 27/02/2025, Nguyễn Văn Đ đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định bị can Nguyễn Văn Đ đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép thuốc lá điện tử qua biên giới như sau:

Nguyễn Văn Đ làm nghề bốc vác tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận tỉnh Lạng Sơn từ năm 2012, quá trình làm việc tại đây Đ học được tiếng Trung Quốc. Sau đó, Đ làm phiên dịch cho khách Việt Nam sang Trung Quốc mua hàng hóa và có quen biết người phụ nữ tên H2 là người Trung Quốc nói được tiếng Việt Nam, H2 cũng làm phiên dịch cho khách Việt Nam mua hàng hóa tại Trung Quốc. Cuối năm 2022, H2 liên hệ với Đ qua Wechat thuê Đ vận chuyển thuốc lá điện tử từ Trung Quốc về Việt Nam, cụ thể:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 11/2022, H2 thuê Đ vận chuyển thuốc lá điện tử nhãn hiệu Galvin từ Trung Quốc về Việt Nam để giao cho Lê Anh T tại Hà Nội với giá vận chuyển là 30.000đ/01kg. Số lượng lần này là 200 thùng carton có khối lượng 3.100kg, bên trong mỗi thùng chứa 200 điều thuốc lá điện tử Galvin. Các thùng hàng này được H2 chuyển đến kho ở khu vực V, thành phố Q, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Khi hàng đến kho thì nhân viên của kho tên C1 gọi điện thoại báo cho Đ, Đ nhờ Chi chụp ảnh, quay video các thùng hàng gửi qua Wechat cho Đ. Đ xem video thấy bên trong các thùng có các hộp carton nhiều màu sắc, qua trao đổi với H2 thì Đ biết bên trong các hộp này là thuốc lá điện tử G1 và biết số lượng là 200 thùng đã được C1 cho vào 50 bao tải. Sau đó Đ thuê xe vận chuyển nội địa Trung Quốc có tên Song K chuyển các bao tải này đến khu vực biên giới Việt Nam, Trung Quốc với giá 02 tệ/01kg (khoảng 8000 đồng/01kg), rồi tiếp tục nhờ bên vận chuyển thuê người vác các bao tải theo đường tiểu ngạch qua biên giới tại khu vực Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với giá 06 tệ/01kg (khoảng 19.000 đồng/01kg). Khi hàng được vận chuyển về Việt Nam thì Đ thuê xe Ford Transit chuyên chở ghép hàng hóa với giá 2000 đồng/01kg để vận chuyển số hàng này từ biên giới về Hà Nội cho Lê Anh T,

đồng thời Đ cho lái xe số điện thoại của T để lái xe tự liên hệ và giao số hàng này cho T tại Hà Nội. Sau khi T nhận được số hàng trên thì H2 gửi cho T số tài khoản ngân hàng của Đ là 19034192290018 Ngân hàng TMCP K1 để T chuyển tiền công vận chuyển cho Đ. H2 nói với Đ, số tiền T sẽ chuyển cho Đ nhiều hơn số tiền chi phí vận chuyển của Đ vì đó là tiền T còn nợ H2 nên nhờ Đ nhận giúp sau đó chuyển lại cho H2. Ngày 21/11/2022, Đ nhận được số tiền 192.350.000 đồng từ số tài khoản 19035370587018 mở tại Ngân hàng TMCP K1 mang tên Lê Anh T. Trong đó, tiền vận chuyển thuốc lá điện tử của Đ là 93.000.000 đồng; còn lại 99.350.000 đồng là tiền của H2. Ở lần vận chuyển này sau khi trừ đi các chi phí vận chuyển và thuê người bốc vác qua biên giới thì Đ được hưởng lợi 1.000 đồng/01kg tương ứng với 3.100.000 đồng. Giá trị của 40.000 điều thuốc lá điện tử vận chuyển lần này 3.600.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Lần 2: Khoảng giữa tháng 11/2022, H2 tiếp tục thuê Đ vận chuyển thuốc lá điện tử G từ Trung Quốc về Việt Nam để giao cho Lê Anh T. Số lượng lần này là 100 thùng carton có khối lượng 1.600kg bên trong mỗi thùng chứa 200 điều với giá vận chuyển là 32.000 đồng/01kg.

Cũng như lần trước, H2 chuyển các thùng carton chứa thuốc lá điện tử Galvin đến kho ở khu vực V, thành phố Q, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, C1 gọi điện thoại báo cho Đ rồi quay video các thùng hàng gửi qua Wechat cho Đ. Qua trao đổi với H2 thì Đ biết số lượng lần này là 100 thùng thuốc lá điện tử G1 và biết C1 cho 100 thùng carton này vào 25 bao tải. Sau đó, Đ thuê xe vận chuyển nội địa Trung Quốc có tên Song K chuyển các bao tải này đến khu vực biên giới Việt Nam, Trung Quốc với giá 02 tệ/01kg (khoảng 8.000 đồng/01kg) rồi nhờ bên vận chuyển thuê người vác các bao tải theo đường tiểu ngạch qua biên giới tại khu vực Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với giá 06 tệ/01kg (khoảng 19.000 đồng/01kg). Khi hàng về Việt Nam thì Đ thuê xe Ford Transit chuyên chở ghép hàng hóa với giá 2000 đồng/01kg để vận chuyển số hàng này từ biên giới về Hà Nội cho khách thuê vận chuyển là Lê Anh T, đồng thời Đ cho lái xe số điện thoại của T để lái xe tự liên hệ và giao số hàng này cho T tại Hà Nội. Sau khi T nhận được hàng, H2 gửi số tài khoản ngân hàng của Đ cho T để T chuyển cho Đ tiền công vận chuyển. Lần này, H2 cũng nói với Đ là số tiền T chuyển cho Đ

nhiều hơn số tiền vận chuyển của Đ và nhờ Đ nhận giúp sau đó chuyển lại cho H2. Ngày 20/12/2022, Đ nhận được số tiền 115.000.000 đồng từ số tài khoản của Lê Anh T. Trong đó, tiền vận chuyển của Đ là 51.200.000 đồng, số tiền còn lại của H2 là 63.800.000 đồng. Ở lần vận chuyển này sau khi trừ đi các chi phí vận chuyển và thuê người bốc vác qua biên giới thì Đ được hưởng lợi 3.000 đồng/01kg tương ứng với 4.800.000 đồng. Giá trị của 20.000 điều thuốc lá điện tử vận chuyển lần này là: 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng).

Số thuốc lá điện tử Galvin sau khi được vận chuyển về Việt Nam giao cho Lê Anh T tại Hà Nội với tổng số 300 thùng, mỗi thùng 200 điều, tổng cộng 60.000 điều đã được Lê Anh T và Phùng Bảo N đăng lên các nền tảng mạng xã hội để giao bán, số còn lại 14.518 điều chưa bán hết (trong đó có cả số thuốc lá điện tử T, N thuê Đ vận chuyển và số thuốc lá điện tử thuê đối tượng khác vận chuyển) ngày 14/9/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (C04) - Bộ C2 khám xét thu giữ (số vật chứng này đã được xử lý trong vụ án Lê Anh T và đồng phạm phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Buôn lậu*”).

Căn cứ vào lời khai của bị can Nguyễn Văn Đ, các dữ liệu điện tử, vật chứng thu giữ và các tài liệu điều tra khác có căn cứ kết luận: Nguyễn Văn Đ có hành vi vận chuyển trái phép qua biên giới 60.000 điều thuốc lá điện tử nhãn hiệu Galvin, có giá trị 5.400.000.000 đồng (năm tỷ bốn trăm triệu đồng).

Đối với Lê Anh T, Phùng Bảo N đã bị khởi tố, truy tố và chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử sơ thẩm về tội “*Buôn lậu*”.

Đối với đối tượng tên H2, C1 và Công ty V1 có tên Song K và những người làm thuê, bốc vác thuốc lá điện tử qua biên giới Trung Quốc - Việt Nam. Do các cá nhân, tổ chức này ở nước ngoài và không đủ thông tin nên chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với những xe Ford Transit Đ thuê để vận chuyển thuốc lá điện tử giao cho Lê Anh T tại Hà Nội, do Đ không nhớ biển số và tên người lái xe nên chưa có căn cứ xử lý.

Kết quả xác minh về vật chứng và tài sản thu giữ:

- 01(một) căn cước công dân số 027095008510 mang tên Nguyễn Văn Đ, cấp ngày 25/8/2022.

- 01(một) điện thoại Iphone 12 Pro Max số Imei: 350627791671213; Imei2: 350627791511500 đã qua sử dụng kèm 02 (hai) sim điện thoại, trên sim 1 số 0925811995 có dãy số 8984048000334124491; trên sim 2 có dãy số 8986032377020182100B Đ khai nhận đây là sim điện thoại của Trung Quốc có số điện thoại 18124276886.

- 01 (một) hộ chiếu số N2418100 mang tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/10/1995. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Ngày cấp 15/10/2021 có giá trị đến ngày 15/10/2031.

Sổ tài sản, giấy tờ này hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 đang quản lý sẽ chuyển kèm theo hồ sơ vụ án để Tòa án xem xét xử lý trong quá trình xét xử theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 7689/CT-VKSTC-V4 ngày 16/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã quy kết, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, những người làm chứng cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù. Phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ

luật tố tụng Hình sự, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại; trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân và 01 hộ chiếu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày luận cứ bào chữa đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Luật sư cho rằng ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề xuất cho bị cáo thì bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động gia đình nộp lại tiền thu lợi bất chính; xem xét nhân thân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo thì bị cáo bị sức ép về kinh tế, phải nuôi con nhỏ, vợ mang bầu con thứ 2 không có việc làm; bị cáo nhận thức được hành vi của mình. Luật sư đề nghị áp dụng tinh thần của Nghị quyết số 68 của Bộ quy định đối với tội phạm về kinh tế thì ưu tiên khắc phục hậu quả trước; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 31; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Trong phần tranh tụng Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Bộ C2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 11/2022, Nguyễn Văn Đ làm nghề bốc vác tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung

Quốc thuộc địa phận tỉnh Lạng Sơn được đối tượng tên H2 thuê vận chuyển 300 thùng carton chứa 60.000 điều thuốc lá điện tử nhãn hiệu Galvin có giá trị tài sản là 5.400.000.000 đồng từ Trung Quốc về Việt Nam để giao cho Lê Anh T nhằm mục đích hưởng tiền công 7.900.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”, hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới có trị giá 5.400.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp “*Phạm tội trong trường hợp vật phạm pháp trị giá 500.000.000 đồng trở lên,...*”. Chính vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình là hoàn toàn có căn cứ, đúng các quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý của Nhà nước về hàng hóa qua biên giới, gây thất thoát tiền thuế cho Nhà nước, thiệt hại cho nền kinh tế quốc dân, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Do vậy đối với bị cáo cần phải đưa ra xét xử nghiêm khắc trước pháp luật mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Tăng nặng: Không.
- Giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự giác ra Cơ quan điều tra đầu thú; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Bị cáo đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ thì ngoài hình phạt chính cần áp

dụng khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự để phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

[6] Biện pháp tư pháp: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thu lợi tổng số tiền 7.900.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Trong quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã nộp thay cho bị cáo khoản tiền 7.900.000 đồng nên được đối trừ đi và xác nhận bị cáo đã chấp hành xong.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại thu giữ của bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 căn cước công dân và 01 hộ chiếu thu giữ là giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 03 (Ba)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **27/02/2025**. Phạt bổ sung bị cáo **20.000.000** đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự,

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp lại 7.900.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong khoản phải nộp trên.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) căn cước công dân số 027095008510 mang tên Nguyễn Văn Đ cấp ngày 25/08/2022 và 01 (một) hộ chiếu số N2418100 mang tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/10/1995. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Ngày cấp 15/10/2021 có giá trị đến hết ngày 15/10/2031.

- Sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại kiểu dáng iphone 12 Pro max số Imei: 350627791671213; Imei2: 350627791511500, đã qua sử dụng kèm 02

sim, (trên sim số 1 có dãy số: 8984048000334124491, trên sim số 2 có dãy số: 8986032377020182100B), đã qua sử dụng, không rõ chất lượng và tình trạng hoạt động và số tiền 7.900.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm nghìn đồng*).

(Số tiền 7.900.000 đồng hiện trong tài khoản của Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tiền số: 0000681 ngày 25/7/2025).

(Tang vật khác hiện lưu giữ tại Kho vật chứng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/06/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C2 (C04) với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Bộ Công an;
- Cục T.H.A Dân sự thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh